

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN VŨ THU
TỈNH THÁI BÌNH**

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2018/HNGĐ-ST

Ngày 11-01-2018

V/v: Tranh chấp về hôn nhân gia
đình.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tiến Sang

2. Bà Đoàn Hải Yến

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền – Thư ký tòa án nhân dân huyện Vũ Thư.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư tham gia phiên tòa:
Bà Lê Minh Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 244/2017/TLST- HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 59/2017/QĐST-HNGĐ ngày 25/12/2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Bùi Xuân H – sinh năm 1974

Nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Có mặt)

- Bị đơn: Chị Vũ Thị N – sinh năm 1974

Nơi cư trú: Số 305/43/6A đường L, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

(Vắng mặt)

- Người làm chứng:

Bà Vũ Thị N1 - Sinh năm 1952

Nơi cư trú: Thôn A, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***/Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:** Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/10/2017 và trong quá trình xét xử, anh Bùi Xuân H yêu cầu ly hôn chị Vũ Thị N và trình bày như sau:

Anh Bùi Xuân H và chị Vũ Thị N kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình vào ngày 23/11/2001. Khi đó chị N đã một lần xây dựng gia đình, đã ly hôn và nuôi con riêng, còn anh H kết hôn lần đầu. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại gia đình chị N tại thôn V, xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Vợ chồng chung sống với nhau được khoảng ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do kinh tế khó khăn, quan điểm sống không phù hợp. Mâu thuẫn giữa anh chị càng ngày càng căng thẳng. Khoảng tháng 5/2002 chị N đã bỏ vào miền Nam sinh sống, còn anh H cũng bỏ về nhà mẹ đẻ ở. Anh chị chính thức sống ly thân, chấm dứt mọi quan hệ với nhau và với với gia đình đôi bên. Nay anh H xác định không còn tình cảm với chị N nên làm đơn xin ly hôn chị N.

Về con chung: Anh H, chị N không có con chung.

Về tài sản: Anh H, chị N không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân và tổ chức nào nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***/ Bị đơn – chị Vũ Thị N trình bày trong bản tự khai như sau:** Chị N và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình. Sau khi kết hôn anh chị chung sống với nhau bình thường được ba tháng thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị không hợp nhau về tính cách. Vì vậy chị N đã bỏ vào tỉnh B sinh sống, còn anh H vẫn sống tại địa phương. Từ đó đến nay anh chị đã chấm dứt mọi quan hệ với nhau, không ai quan tâm đến ai nữa. Hiện nay chị N xác định chị không còn tình cảm với anh H và nhất trí ly hôn anh H.

Về con chung: Chị N, anh H không có con chung

Về tài sản: Chị N, anh H không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân và tổ chức nào nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

***/ Người làm chứng: bà Vũ Thị N1 – mẹ đẻ anh Bùi Xuân H trình bày:** Năm 2001, anh H chị N xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện. Khi kết hôn chị N đã có một đời chồng, đã ly hôn và có một người con riêng còn anh H chưa kết hôn lần nào. Sau khi kết hôn, anh H chị N chỉ sống với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống. Đến khoảng giữa năm 2002 thì chị N đã đưa con riêng vào miền Nam để ở, còn anh H trở về sống cùng bà N1 tại địa phương. Từ đó đến nay, chị N đã chấm dứt mọi quan hệ với anh H và với gia đình bà N1. Bà N1 đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị N để anh H ổn định cuộc sống. Anh H, chị N không có con chung và không có tài sản chung.

***/ Ủy ban nhân dân xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình** cung cấp những nội dung về quan hệ hôn nhân của anh Bùi Xuân H, chị Vũ Thị N như các đương sự đã khai. Địa phương thấy mâu thuẫn giữa anh H chị N tồn tại đã lâu, không có khả năng hòa giải nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh H được ly hôn chị N.

***/ Phát biểu của đại diện VKSND huyện Vũ Thư tại phiên tòa:**

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng về thụ lý, thẩm quyền, thu thập chứng cứ, tổng đạt các văn bản tố tụng, hòa giải, đảm bảo thời hạn chuẩn bị xét xử và thời hạn chuyển giao hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định pháp luật. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình, có mặt tại phiên tòa. Bị đơn đã có bản tự khai nộp cho Tòa án và có đơn xin giải quyết vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội: Xử cho anh Bùi Xuân H được ly hôn chị Vũ Thị N. Về con chung và tài sản chung: Anh H, chị N không có con chung, không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh H phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng: Bị đơn - chị Vũ Thị N hiện nay đang cư trú tại tỉnh B. Chị N, anh H đã thống nhất lựa chọn Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án ly hôn giữa chị N và anh H. Đồng thời chị N cũng đã có đơn xin được vắng mặt trong toàn bộ quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vụ án theo trình tự có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

Về nội dung:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Xuân H và chị Vũ Thị N kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn số 38 ngày 23/11/2001 tại UBND xã S, huyện V, tỉnh Thái Bình – là hôn nhân hợp pháp. Tuy nhiên sau khi kết hôn, anh chị đã sớm nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị bất đồng quan điểm sống, do kinh tế gia đình khó khăn. Anh chị đã không tìm được biện pháp để giải quyết những mâu thuẫn vợ chồng mà tự chấm dứt cuộc sống chung từ giữa năm 2002 cho đến nay. Điều đó chứng tỏ, mâu thuẫn giữa anh H chị N tồn tại đã lâu và không có khả năng hòa giải, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được – Vì vậy cần áp dụng điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh H được ly hôn chị N, như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, là đúng pháp luật.

[2] Về quan hệ con chung: Anh H chị N không có con chung nên không đặt ra giải quyết.

[3] Về quan hệ tài sản: Anh H chị N đều thống nhất trình bày anh chị không có tài sản chung, không có nghĩa vụ về tài sản với cá nhân và tổ chức nào, không có yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

[4] Về án phí: Anh H phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

[5] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 228; Điều 271; 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 51; 56; 57 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 24; 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 31/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và danh mục kèm theo.

[1] Quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Bùi Xuân H được ly hôn chị Vũ Thị N.

[2] Quan hệ con chung: Anh Bùi Xuân H và chị Vũ Thị N không có con chung.

[3] Quan hệ tài sản: Không đặt ra giải quyết vì đương sự không yêu cầu.

[4] Án phí: Anh Bùi Xuân H phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chuyển số tiền tạm ứng án phí anh H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình (biên lai số 0002810 ngày 20/11/2017) sang thi hành án phí sơ thẩm.

Án tuyên công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn, báo cho biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 11/01/2018. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũ Thư
- UBND xã S, huyện Vũ Thư .
- Lưu VT; hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Thanh Bình